TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 01/7/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Chúc.

Ông Lê Văn Đáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An– Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 252/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06/5/2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST-HN, ngày 14/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị X, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lâm Văn T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ nhất và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trần Thị X trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh T xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2007 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh T có quen nhau khoảng 03 tháng rồi đồng ý tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới bán hết

không còn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ năm 2013, do anh T không quan tâm đến cuộc sống gia đình, tham gia các tệ nạn xã hội, uống rượu thường xuyên, không đi làm để kiếm tiền phụ lo gia đình, mỗi lần chị góp ý thì cãi vã gây gỗ, anh đánh chị rất nhiều lần, sự việc kéo dài nhiều năm nhưng anh T không sửa đổi khắc phục được, vợ chồng sống không có hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2024, trong lúc cải vã, anh T đánh chị gãy xương sườn, phải nhập viện điều trị, sự việc được Công an đến can thiệp giải quyết, từ tháng 01 năm 2024 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị thấy tình cảm không còn và yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Văn T

- *Về nuôi con tên:* Lâm Minh T1, sinh ngày 07/5/2008, chị X xin được quyền nuôi dưỡng khi ly hôn.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Chị X không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh Lâm Văn T vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Lâm Minh T1, sinh ngày 07/5/2008 trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau, nguyện vọng của con xin được sống với mẹ.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị X, xử cho chị X được ly hôn với anh T; giao con cho chị X nuôi dưỡng khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc chị X nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Lâm Văn T là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh T vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị X khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, chị xin được quyền nuôi con khi ly hôn, ngoài ra chị X không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng

dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị X và anh T xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2007 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Chị X khai: Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ năm 2013, do anh T không quan tâm đến cuộc sống gia đình, tham gia các tệ nạn xã hội, uống rượu thường xuyên, không đi làm để kiếm tiền phụ lo gia đình, mỗi lần chị góp ý thì cãi vã gây gỗ, anh đánh chị rất nhiều lần, sự việc kéo dài nhiều năm nhưng anh T không sửa đổi khắc phục được, vợ chồng sống không có hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2024, trong lúc cải vã, anh T đánh chị gãy xương sườn, phải nhập viện điều trị, sự việc được Công an đến can thiệp giải quyết, từ tháng 01 năm 2024 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, chị thấy tình cảm không còn và yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lâm Văn T

Đối với anh Lâm Văn T: Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhận để anh tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 31/5/2024 và ngày 11/6/2024 anh T đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng không tiến hành được, mặt khác anh T cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án, anh không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân mà chị X khởi kiện yêu cầu giải quyết. Ngày 01/7/2024 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, anh T tiếp tục vắng mặt, nên phiên hòa giải đoàn tụ vợ chồng tại phiên tòa không tiến hành được, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị X và anh T xảy ra từ năm 2013, kéo dài đến tháng 01 năm 2024 là khoảng thời gian dài nhưng anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay là hơn 06 tháng, tại phiên tòa chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết ly hôn không chung sống với anh T, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị X, xử cho chị X được ly hôn với anh T là đúng quy định của pháp luật.

- *Về nuôi con:* Xét thấy chị X và anh T chung sống sinh 01 người con tên Lâm Minh T1, sinh ngày 07/5/2008 (có nguyện vọng sống với mẹ). Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị X vẫn nuôi dưỡng chăm sóc con chu đáo về mọi mặt, đối với anh T thì không hợp tác cung cấp lời khai cho Tòa án và anh cũng không gửi văn bản trình bày về quyền nuôi con mà chị X khởi kiện yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị X xin được quyền nuôi

con khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của Lâm Minh T1 xin được sống với mẹ. Để tạo điều kiện cho Lâm Minh T1 có cuộc sống ổn định, nhằm phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị X, giao con cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng khi ly hôn là đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung vợ chồng, số nợ phải thu, phải trả:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị X có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 228; 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị X.

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị X được ly hôn với anh Lâm Văn T.

- *Về nuôi con:*

+ Chị Trần Thị X được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Lâm Minh T1, sinh ngày 07/5/2008, khi ly hôn.

+ Anh Lâm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc chị Trần Thị X nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị X đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001247, ngày 23/4/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Trần Thị X đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Chị Trần Thị X có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Anh Lâm Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày anh nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã V , huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.